B16-8

11:38

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 1

WHITE	Zhong, Taoyu	FED CHN	RESULT (W) 1
BLACK	Miao, Zixin	FED CHN	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd7	Nd7	41			61		
2	c4	e6	22	Ra1	Bb7	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Ra7	Bg2	43			63		
4	g3	dC	24	Rd7	Rc2	44			64		
5	Bg2	Bb4	25	Kg2	Rc3	45			65		
6	Bd2	a5	26	Rc7	Rc1	46			66		
7	Qc2	Bd2	27	Kf3	c3	47			67		
8	Qd2	c6	28	Ke3	c2	48			68		
9	a4	b5	29	Rc4	h5	49			69		
10	ab	cb	30	Kd2	Rh1	50			70		
11	Q35	0-0	31	Rc2	Rh2	51			71		
12	Qb5	Bab	32	Ke3	Rh3	52			72		
13	Qa5	Bb7	33	Kf2	h4	53			73		
14	Qd8	Ra1	34	9h	Rh4	54			74		
15	Qf8	Kf8	35	Kg3	Rh1	55			75		
16	0-0	Ra2	36	Rc7	Rd1	56			76		
17	Ne5	Bab	37	e3	f5	57			77		
18	Nc3	Rb2	38	Kf3	Rd3	58			78		
19	Rc1	Nfd7	39	Ra7	Rb3	59			79		
20	f4	f6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhong, Taoyu | SIGNATURE (BLACK) Miao | SIGNATURE (ARBITER) Cen

B16-8

11:38

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 8 | Date 8.28 | Board 1

WHITE	Zhong, Taoyu	FED	RESULT (W) 0.5
BLACK	Miao, Zixin	FED	RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd7	Nd7	41			61		
2	c4	e6	22	Ra1	Bb7	42			62		
3	Nf3	Nf6	23	Ra7	Bg2	43			63		
4	g3	dc	24	Nd7	Rc2	44			64		
5	Bg2	Bb4	25	Kg2	Rc3	45			65		
6	Bd2	a5	26	Rc7	Rc1	46			66		
7	Qc2	Bd2	27	Kf3	c3	47			67		
8	Qd2	c6	28	Ke3	c2	48			68		
9	a4	b5	29	Rc4	h5	49			69		
10	ab	cb	30	Kd2	Rh1	50			70		
11	Qg5	0-0	31	Rc2	Rh2	51			71		
12	Qb5	Bab	32	Ke3	Rh3	52			72		
13	Qa5	Bb7	33	Kf2	h4	53			73		
14	Qd8	Ra1	34	9h	Rh4	54			74		
15	Qf8	Kf8	35	Kg3	Rh1	55			75		
16	0-0	Ra2	36	Nc7	Rd1	56			76		
17	Ne5	Bab	37	e3	f5	57			77		
18	Nc3	Rb2	38	Kf3	Rd3	58			78		
19	Rc1	Nfd7	39	Ra7	Rb3	59			79		
20	f4	f6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhong, Taoyu | SIGNATURE (BLACK) Miao | SIGNATURE (ARBITER) Cen

B16-8-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: 9/2026 | Board: 2

WHITE: Thirof As Syahsyah Syaleish	FED: INA	RESULT (W): 1/2
BLACK: Shen Junyan	FED: CHN	RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ra1	Qb6	41			61		
2	Nf3	e6	22	c4	Re8	42			62		
3	d4	cd4	23	Bh4	a5	43			63		
4	Nd4	Nc6	24	Qa4	Qb4	44			64		
5	Nc3	Nf6	25	Qa5	Qa5	45			65		
6	Ndb5	Bb4	26	Ra5	h6	46			66		
7	a3	Bc3	27	h3	Bd3	47			67		
8	Nc3	d5	28	Re1	Re1	48			68		
9	ed5	ed5	29	Be1	Nd5	49			69		
10	Bd3	0-0	30	Cd5	Rc1	50			70		
11	0-0	Bg4	31	Rxe1	Kh7	51			71		
12	f3	Bh5	32	Re8	Bxf4	52			72		
13	Bg5	Qb6	33	Kh2	Bd5	53			73		
14	Kh1	Ne4	34	Re5	Bc6	54			74		
15	Ne4	de4	35	Bf2	Rc2	55			75		
16	Be4	Qb2	36	Rc5		56			76		
17	Rb1	Qa3	37			57			77		
18	Rb7	Qa6	38			58			78		
19	Rb1	Bg6	39			59			79		
20	Bd5	Rac8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: 9/2026 | Board: 2

WHITE: Thirof. As Syahyah Syaksh	FED:	RESULT (W): ½
BLACK: Shen, Junyan	FED:	RESULT (B): ½

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ra1	Qb6	41			61		
2	Nf3	e6	22	c4	Rfe8	42			62		
3	d4	cd	23	Bh4	a5	43			63		
4	Nd4	Nc6	24	Qa4	Nb4	44			64		
5	Nc3	Nf6	25	Qa5	Qa5	45			65		
6	Ndb5	Bb4	26	Ra5	h6	46			66		
7	a3	Bc3	27	h3	Bd3	47			67		
8	Nc3	d5	28	Re1	Re1	48			68		
9	ed	ed	29	Be1	Nd5	49			69		
10	Bd3	0-0	30	Cd	Rc1	50			70		
11	0-0	Bg4	31	Ra8	Kh7	51			71		
12	f3	Bh5	32	Re8	Bc4	52			72		
13	Bg5	Qb6	33	Kh2	Bd5	53			73		
14	Kh1	Ne4	34	Re5	Bc6	54			74		
15	Ne4	de	35	Bf2	Rc2	55			75		
16	Be4	Qb2	36	Rc5		56			76		
17	Rb1	Qa3	37			57			77		
18	Rb7	Qa6	38			58			78		
19	Rb1	B96	39			59			79		
20	Bd5	Ra8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: 28 - 8 | Board: 3

WHITE: Tenguundalai Ganbat | FED: MGL | RESULT(W): 1
BLACK: Dang Thai Vu | FED: VIE | RESULT(B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kg3	Kf8	41	Td3	Td7	61	Bd6	Kg5
2	c4	dc	22	Kf4	Nc7	42	f5	e4	62	Kd4	Na6
3	Nf3	Nf6	23	g4	b5	43	f4	Nd3	63	Be4	Kf6
4	e3	e6	24	Bf1	a5	44	Td2	Nf4	64	Kc4	Nc7
5	Bc4	c5	25	ba	Na5	45	a6	Ba8	65	Bc5	Ke5
6	0-0	Nc6	26	Kg3	Bd5	46	f6	Kf7	66	Be7	Nb5
7	dc	Qxd1	27	Nd6	Bd6	47	g4	hg	67	Bd8	Ka8
8	Rxd1	Bc5	28	ed	Kd6	48	h3	Ke6	68	Kc5	Na7
9	a3	0-0	29	a4	b4	49	Bc7	Kc5	69	Bf3	Nc8
10	b4	Be7	30	Be5	Rc6	50	Be8	f6	70	Be4	Ka7
11	Bb2	b6	31	Nd4	Rc3	51	gf	gf	71	Kc6	Kb8
12	Nbd2	Bb7	32	Rc3	bc	52	Bf6	Kb6	72	Bc7	Ka7
13	c4	Nd8	33	Bd6	Kg8	53	Bd4	Ka6	73	Bf4	Ka6
14	e5	Ne8	34	Rc1	Ne8	54	f3	Bd5	74	Kc7	Na7
15	Re1	Rac8	35	Bb4	Nb3	55	f2	Bf2	75	Bb7	Bd2
16	Rac1	h6	36	Rc3	Rc3	56	Bf2	Kb5	76		
17	h3	Kf8	37	Rc3	Nc5	57	Bd5	Nc5	77		
18	Ne4	Kg8	38	Td1	Nd6	58	Kf4	Kg5	78		
19	Kh2	Kf8	39	a5	e5	59	Ke3	Nb3	79		
20	h4	Kg8	40	Nb5	Nb5	60	Be5	Nc5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U16 | Round: 8 | Date: 2026.8.28 | Board: 3

WHITE: Tenguundalai, Ganbat | FED: MGL | RESULT(W): 1
BLACK: Dang, Thai Vu | FED: VIE | RESULT(B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kg3	Kf8	41	Bb5	Bb7	61	Bd6	Ke5
2	c4	dc	22	Kf4	Nc7	42	f5	e4	62	Kd4	Na6
3	Nf3	Nf6	23	g4	b5	43	f4	Nd3	63	Be4	Kf6
4	e3	e6	24	Bf1	a5	44	Bd2	Kf8	64	Kc4	Nc7
5	Bc4	c5	25	ba	Na5	45	a6	Ba8	65	Bc5	Ke5
6	0-0	Nc6	26	Kg3	Bd5	46	f5	Ke7	66	Be7	Nb5
7	dc	Qd1	27	Nd6	Bdc	47	g5	hg	67	Bd8	Ka8
8	Rd1	Bc5	28	ed	Kd6	48	hg	Kd6	68	Kc5	Na7
9	a3	0-0	29	a4	b4	49	Bc3	Kc5	69	Bf3	Nc8
10	b4	Be7	30	Be5	Rc6	50	Be8	f6	70	Be4	Ka7
11	Bb2	b5	31	Nd4	Rc3	51	gf	gf	71	Kc6	Kb8
12	Nbd2	Bb7	32	Rc3	bc	52	Bf6	Kb6	72	Bc7	Ka7
13	e4	Nd8	33	Bd6	Kg8	53	Bd4	Ka6	73	Bf4	Ka6
14	e5	Ne8	34	Rc1	Ne8	54	f6	Bd5	74	Kc7	Na7
15	Re1	Rac8	35	Bb4	Nb3	55	f7	Bf7	75	Bb7	Ka5
16	Rac1	h6	36	Rc3	Rc3	56	Bf7	Kb5	76	Bd2	
17	h3	Kf8	37	Bc3	Nc5	57	Bd5	Nc5	77		
18	Ne4	Kg8	38	Be1	Nd6	58	Kf4	Kb4	78		
19	Kh2	Kf8	39	a5	e5	59	Ke3	Nb3	79		
20	h4	Kg8	40	Nb5	Nc5	60	Be5	Nc5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-4

12:02

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 08 | Date | Board 04

WHITE Piel, Jaymiel | FED PHI | RESULT (W) 1

BLACK Sun, Chang-Jyu | FED TPE | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qh6	Qe8	41	Ng5 1:09	Nf6 1:08	61		
2	Nf3	d6	22	fg	fg	42	Qf4	Qe1	62		
3	d4	cd	23	Nd4 2:28	Nc5 2:44	43	Ne6	Kf7	63		
4	Nd4	Nf6	24	Nc6 2:38	Nd7	44	Qh6	Nfg4	64		
5	Nc3	a6	25	Rf8	Nhf8	45	Qf8#		65		
6	f3	e5 1:31	11 26	Rfe1	Ne5	46			66		
7	Nb3 1:24	Be6 1:30	5 27	Nd4	Ra7	47			67		
8	Be3	h5 1:50	20 28	Qe3	Rf7	48			68		
9	Nd5 1:48	Nbd7 2:09	9	Qe4	Rfe1	49			69		
10	c4 1:24	b6 1:21	58 30	Bf1	Qa4	50			70		
11	Bd3 1:36	g6 1:14	25 31	Qc2	Qb4	51			71		
12	Qd2 1:55	Bg7 1:08	14 32	Nb3	Nfd7	52			72		
13	0-0 1:00	50 0-0 1:07	38 33	h3	Kg7	53			73		
14	Bg5 57	Qb8 51:59	34	Nd4	Kg8	54			74		
15	f4 49:18	Bd5 49	25 35	Ne6	Nf8	55			75		
16	ed! 48:59	e4 57	59 36	Ng5	Qc5	56			76		
17	Be2	Nh7	37	QR	Nd7	57			77		
18	f5	Bb2 3:05	38	Ne4	Qb4	58			78		
19	Qb2 1:03	Kg8	39	Qc2	Kf7	59			79		
20	Qc2	Nh7	40	QR	Kg7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-4

12:42

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 8 | Date Aug. 28, 2026 | Board 4

WHITE Piel, Jaymiel | FED PHI | RESULT (W) 1

BLACK Sun, Chang-Jyu | FED TPE | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qh6	Qe8	41	Ng5	Nf6	61		
2	Nf3	d6	22	Bxg6	fxg6	42	Qf4	Qe1	62		
3	d4	cxd4	23	Nd4	Ng5	43	Ne6+	Kf7	63		
4	Nxd4	Nf6	24	Nc6	Nd7	44	Qh6	Nfg4	64		
5	Nc3	a6	25	Rxf8+	Nhxf8	45	Qf8#		65		
6	f3	e5	26	Rfe1	Ne5	46			66		
7	Nb3	Be6	27	Nd4	Ra7	47			67		
8	Be3	h5	28	Qe3	Rf7	48			68		
9	Nd5	Nbd7	29	Qxe4	Rxf1+	49			69		
10	c4	b6	30	Bxf1	Qa4	50			70		
11	Bd3	g6	31	Qc2	Qb4	51			71		
12	Qd2	Bg7	32	Nb3	Nfd7	52			72		
13	0-0	0-0	33	h3	Kg7	53			73		
14	Bg5	Qb8	34	Nd4	Kg8	54			74		
15	f4	Bxd5	35	Ne6	Nf8	55			75		
16	exd5	e4	36	Ng5	Qc5	56			76		
17	Be2	Nh7	37	Qf2	Nfd7	57			77		
18	f5	Bxb2	38	Ne4	Qb4	58			78		
19	Qxb2	Ng5	39	Qc2	Kf7	59			79		
20	Qd2	Nh7	40	Qf2+	Kg7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-5 13:34

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: 28/8 | Board: 3

		FED	RESULT
WHITE	S. Charvin	MAS	1
BLACK	Li Yucheng Robinson	HKG	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	hxg	Bxf5	41	Rde1	fxg4	61	Rg2	Re1
2	Nf3	Nf6	22	Ng3	Bg6	42	fxg4	Rf2	62	Kd3	Re1
3	Nc3	d6	23	h3	Bh7	43	Re2	♔f7	63	Rxe1	Rxe1
4	Nd3	Nxe4	24	Bd3	b5	44	Rg2	R7f3+	64	Kd2	Rb1
5	Qe2	Qe7	25	Rhe1	Rxh7	45	Ke2	Rf1	65	Rf2	Ke7
6	Nf4	c6	26	Nf3+	Kd8	46	Re1	c4	66	Ke2+	Kf7
7	d4	g6	27	Nc3	Ng7	47	Rxf1	Rxf1	67	Kf2+	Kg7
8	c4	Bg7	28	Ne6	Ne8	48	Kd3	c4+	68	Ke2	Ka1
9	f3	Nf6	29	Nxe8	Kxe8	49	h4	Bd8	69	Kb2	Re1
10	Nc3	Nbd7	30	Nb2	Nf8	50	Re3	Rf3+	70	Kf3	Ke2+
11	Qxe7+	Kxe7	31	Ng3	Nd7	51	Kc2	Re7	71	Kc3	Re3+
12	Be3	Nb6	32	Nb2	Bh8	52	c3	Bf4	72	Kc2	Rb3
13	Kf2	g5	33	g4	Kd8	53	Bb2	Rf1	73	Ke3	Rg3
14	Nh3	c6	34	Rhg1	Ra4 f8	54	Kd3	Rf3+	74	Re2+	Kf8
15	b3	Be7	35	Ng3	Bf6	55	Kc2	Rb8	75	Rh7	Rg4
16	Rb1	b5	36	Ke2	Bd8	56	Rg1	Rb3	76	Re3	Rg3+
17	c5	Nfd7	37	Kd3	Rc7	57	Rg2	Re3	77	Kc2	Rg2+
18	Nxg5	Nf8	38	Nf3	Ng7	58	Rc3	Rb1	78	Kb1	Rg1
19	Ng1	Ng6	39	Nxg5	Rxg5	59	Bb2	Re1	79	Kxh6	Rxa2
20	Nf3	Nb7	40	Bd6	Rf5	60	Ke2	Re1	80	Rxc6	Rxa4

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-5 13:34

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: 28/8 | Board: 3

		FED	RESULT
WHITE	S. Charvin	MAS	1
BLACK	Li Yucheng Robinson	HKG	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke2	d6	21			41			61		
2	Nf4	Nf6	22			42			62		
3	Nxg3	Nh5	23			43			63		
4	Nd3	Nf4+	24			44			64		
5	Ke3	Ke7	25			45			65		
6	c4	Qh3+	26			46			66		
7	Kxe4	Qb3+	27			47			67		
8	Ke5	Rb2	28			48			68		
9	d4	Re8	29			49			69		
10	Nb6	a5	30			50			70		
11	Rd8	Kxd1	31			51			71		
12	c8=Q+	Ke7	32			52			72		
13	Qb7+	Nd7	33			53			73		
14	Qe4+	Kd8	34			54			74		
15	Qa8+	Ke7	35			55			75		
16	Qxa5+	Kf6	36			56			76		
17	Qh3+	Ke7	37			57			77		
18	h6		38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-5 13:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: 8/8 | Board: 5

		FED	RESULT
WHITE	Shiva	MAS	1
BLACK	Robinson	HKG	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ne2	Nd7	41	Bd2	f5	61	Re2	Bf4
2	Nf3	Nf6	22	h4	Bf6	42	Re1	f3	62	Rg2	Re1
3	Ne5	d6	23	Ng3	Bg6	43	f3	Re2	63	Kxe2	Kc2
4	Nd3	Ne4	24	h5	Rb7	44	Re2	Rf7	64	Rf8c1	Re1
5	Qe2	Qe7	25	Bd3	b5	45	Rg2	Rf3	65	Kd2	Rb1
6	Nf4	c6	26	Bh7	Rh7	46	Ke2	Rf1	66	Rf2	Ke7
7	d4	g6	27	Nf5	Kd8	47	Re1	a5	67	Re2	Kf3
8	c4	Bg7	28	Nc3	Ng7	48	Rf1	Rf1	68	Rf2	Ke4
9	f3	Nf6	29	Nd6	Ne8	49	Kd3	a4	69	Kc2	Re1
10	Nc3	Nbd7	30	Ne8	Kc7	50	b4	Bd8	70	Kb2	Ke1
11	Qe7	Kxe7	31	Ne2	Nf8	51	Re3	Rf3	71	Rf8	Re2
12	Be3	Nb6	32	Ng6	Ne6	52	Ke2	Re7	72	Kc3	Re3
13	Bf2	g5	33	Ne2	Rh8	53	h3	Rf4	73	Ke2	Ra3
14	Na3	h6	34	g4	Kd7	54	Re2	Rf1	74	Re8	Rg8
15	b3	Rf8	35	Rg1	Re8	55	Re3	Re3	75	Re7	Kg8
16	Ra4	d5	36	N3g3	Be6	56	Ke3	Kb3	76	Rh7	Kf8
17	c5	Nd7	37	Ke2	Bd7	57	Rg1	Rh3	77	Kd3	Rg3
18	Nh4	Nf8	38	Kd3	Bc7	58	Rg2	Be2	78	Kxe2	Rg2
19	Ng1	Ne6	39	Nf5	Nf7	59	Re3	Rh1	79	Kf4	Rg4
20			40	Ng7	Rg7	60	Re4	Rf1	80	Rh6	Rf4

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-5 13:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 8 | Date: | Board: 5

		FED	RESULT
WHITE	Shiva		1
BLACK	Robinson		0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nc6	Ng4	21			41			61		
2	Kg2	d4	22			42			62		
3	Nf6	d3	23			43			63		
4	Kg5	Nf4	24			44			64		
5	Kf6	Nh2	25			45			65		
6	Kg5	d2	26			46			66		
7	c6	Kg3	27			47			67		
8	Kf4	Kb3	28			48			68		
9	Kg5	Kf2	29			49			69		
10	a7	Ke2	30			50			70		
11	Kf6	a3	31			51			71		
12	Ke2	Kd3	32			52			72		
13	c1=Q	Ke3	33			53			73		
14	Qh1	Kd4	34			54			74		
15	Qe4	Ke8	35			55			75		
16	Qe8	Kd3	36			56			76		
17	Qg6+	Ke6	37			57			77		
18		Kf7	38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-6

11:56

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B.16.
Round 8.
Date 8.28.
Board 6.

WHITE LIU
FED HONGKONG CHN
RESULT (W) 0

BLACK Dympsusenuu
FED MGL
RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nf1	Nd5	41	0-1		61		
2	d4	d5	22	Qd2	c5	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Nd5	Be7	43			63		
4	e5	b6	24	Rd1	Cd	44			64		
5	a3	Bf8	25	cd	0-0	45			65		
6	f4	Ne7	26	Bf8	Rxf8	46			66		
7	Be3	Qd7	27	Rc1	Rc4	47			67		
8	Nf3	Ba6	28	Rxc4	dc	48			68		
9	Bxa6	Nxa6	29	Nb2	Qc5	49			69		
10	Qd3	Nb8	30	Kf1	Bc3	50			70		
11	0-0	Nf6	31	Nd1	Be7	51			71		
12	Bf2	h5	32	Qc3	Qe4	52			72		
13	b4	Nc6	33	Qe4	Nf6	53			73		
14	Ne2	Ne8	34	Nd2	Bc5	54			74		
15	b5	Rf8	35	Ke1	Bxf4	55			75		
16	a4	Ng6	36	Qc6	Qd3+	56			76		
17	c3	Be7	37	Ke1	Bc5	57			77		
18	g5	Bd8	38	Qb1	Nb4	58			78		
19	Re1	Nxb5	39	Kf2	Qd4+	59			79		
20	Qxc5	Ne7	40	K		60			80		

SIGNATURE (WHITE) Matteo
SIGNATURE (BLACK) Duvel
SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-6

11:56

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16
Round ~~8~~ 8
Date 8.28
Board 6

WHITE Lin Fangming Matteo
FED HKG
RESULT (W) 1

BLACK Duvel Khishig Bat-Erdene
FED MGL
RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nf5	Qd2	41			61		
2	d4	d5	22	c5	Nd3	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Bc7	Rfc1	43			63		
4	e5	b6	24	cd	cd	44			64		
5	a3	Bf8	25	0-0	Rc8	45			65		
6	f4	Ne7	26	Re8	Rc8	46			66		
7	Be3	Nd7	27	Rc1	Rc4	47			67		
8	Nf3	Bxb6	28	Rc4	dc	48			68		
9	Bxb6	Nxb6	29	Nb2	Qc5	49			69		
10	Qd3	Nb8	30	Kf2	Bg3	50			70		
11	0-0	Bf2	31	Nd1	Be7	51			71		
12	h5	h4	32	Qc3	Qe4	52			72		
13	Nc6	Ne2	33	Qc4	Nd4	53			73		
14	Ne7	b5	34	Nd4	Be5	54			74		
15	Rc8	g4	35	Kf1	Bd4	55			75		
16	Nxb6	c3	36	Qc6	Qd3	56			76		
17	Be7	g3	37	Ke1	Bc3	57			77		
18	Nd8	Be3	38	Qh1	Bh4	58			78		
19	Ne3	Qe3	39	Kf1	Qd2	59			79		
20	Ne7	Nc1	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Matteo
SIGNATURE (BLACK) Duvel
SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-7 12:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U16 | Round: 8 | Date: 8/28 | Board: 7

WHITE: Byun junseok | FED: | RESULT (W): 1/2

BLACK: Zhou Tony | FED: | RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	~~Qc4~~ Rad1	~~h4~~ a4	41	Bg4	e5	61		
2	Nf3	g6	22	~~Qb6~~ h4	~~Nf3~~ Qb6	42	BXc8	RXc8	62		
3	d4	cxd4	23	Ne3	Ne6	43	Qc5	Qf6	63		
4	Nxd4	Nc6	24	Rd2	Nd4	44	Rh3+	Kg7	64		
5	c4	Bg7	25	Qd1	Nf5	45	Qa7+	Kf8	65		
6	Be3	Qb6	26	NXf5	BXf5	46	Qb7	Rd8	66		
7	Nb5	Qa5+	27	h5	Qb4	47	Rc3	Rd6	67		
8	Bd2	Qd8	28	Re3	Be6	48	Rg3	Qe7	68		
9	Bc3	Bxc3+	29	Rxe6	fxe6	49	Qc8+	Qd8	69		
10	NIxc3	Nf6	30	Bg4	Qxc4	50	Qb7		70		
11	Be2	0-0	31	Rd4	Qxa2	51			71		
12	0-0	d6	32	hxg6	hxg6	52			72		
13	Nd5	Nxe4	33	Re4	e5	53			73		
14	Re1	Qxf	34	Rxg4	Qd5	54			74		
15	Nd4	Nf5	35	Qc2	Kg7	55			75		
16	Nxf6	bxf6	36	Bf3	Qe7	56			76		
17	Nb4	Bd7	37	Rg4	d5	57			77		
18	Bf3	Rc8	38	Rg3	e4	58			78		
19	Qe2	a5	39	Bh5	Qf4	59			79		
20	Nc2	Re8	40	Qc3+	Kh6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-7 12:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U16 | Round: 8 | Date: | Board: 7

WHITE: Byun Junseok | FED: | RESULT (W): 1/2

BLACK: Zhou Tony | FED: | RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rad1	a4	41	Bg4	e5	61		
2	Nf3	g6	22	h4	Qb6	42	Bc8	Rc8	62		
3	d4	cd	23	Ne3	Ne6	43	Qc5	Qf6	63		
4	Nd4	Nc6	24	Rd2	Nd4	44	Rh3	Kg7	64		
5	c4	Bg7	25	Qd1	Nf5	45	Qa7	Kf8	65		
6	Be3	Qb6	26	Nf5	Bf5	46	Qb7	Rd8	66		
7	Nb5	Qa5	27	h5	Qb4	47	Rc3	Rd6	67		
8	Bd2	Qd8	28	Re3	Be6	48	Ra3	Qe7	68		
9	e3	Be3	29	Re6	fe	49	Qc8	Qd8	69		
10	N1c3	Nf6	30	Bg4	Qc4	50	Qb7		70		
11	Be2	0-0	31	Rd4	Qa2	51			71		
12	0-0	d6	32	hg	hg	52			72		
13	Nb5	Ne4	33	Rg4	e5	53			73		
14	Re1	a6	34	Rd4	Qd5	54			74		
15	Nd4	Nc5	35	Qc2	Kg7	55			75		
16	Nc6	bc	36	Bf3	Qf7	56			76		
17	Nb4	Bd7	37	Rg4	d5	57			77		
18	Bf3	Rc8	38	Rg3	e4	58			78		
19	Qe2	a5	39	Bh5	Qf4	59			79		
20	Nc2	Re8	40	Qc3	Kh6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-8

12:29

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16
Round 8
Date 8-28
Board 8

WHITE Gong Bonuonuo — FED — RESULT (W) 1/2
BLACK Guo Shanglin — FED — RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Bf4	Rad8	41			61		
2	e4	~~c6~~ d5	22	Bd6	Re1	42			62		
3	cd	ed	23	Re1	Qd6	43			63		
4	ed	Nf6	24	Qd3	Qd5	44			64		
5	Bb5	Nbd7	25	Qc2	c6	45			65		
6	Nc3	a6	26	Re4	g6	46			66		
7	Bd7	Bd7	27	Qe2	Kg7	47			67		
8	Nge2	Bd6	28	g4	c5	48			68		
9	h3	0-0	29	h4	Rdb6	49			69		
10	d4	Re8	30	Qe3	c4	50			70		
11	0-0	b5	31	g5	h5	51			71		
12	Nf4	b4	32	Re8	Qd4	52			72		
13	Ne2	Bb5	33	Qe7	Qg4	53			73		
14	Re1	Bc4	34	Kh2	Qh3+	54			74		
15	Be3	Qd7	35	Kg2	Qg4	55			75		
16	Qd2	Nd5	36	Kh2	c+f4	56			76		
17	Nd5	Bd5	37	Kg2	Kh7	57			77		
18	Nf4	Qf5	38	Rf8	Kg7	58			78		
19	Nd5	Qd5	39	Re8		59			79		
20	b3	h6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) — SIGNATURE (BLACK) — SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-8

12:29

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
Round 8
Date
Board 8

WHITE Gong Bonuonuo — FED — RESULT (W) 1/2
BLACK [illegible] — FED — RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	bf4	rad8	41			61		
2	e4	d5	22	bxd4	rxe1+	42			62		
3	cd	ed	23	rxe1	qxd6	43			63		
4	ed	nf6	24	qd3	qd5	44			64		
5	bb5+	nbd7	25	qc2	c6	45			65		
6	nc3	a6	26	re4	g6	46			66		
7	bxd7+	bxd7	27	qe2	kg7	47			67		
8	nge3	bd6	28	g5	a5	48			68		
9	h3	0-0	29	h4	rdb6	49			69		
10	d4	re8	30	qe3	q4	50			70		
11	0-0	b5	31	g5	h5	51			71		
12	nf4	b4	32	re8	qxd4	52			72		
13	nce2	bb5	33	qe7	qg4+	53			73		
14	re1	bc4	34	kh2	qxh3+	54			74		
15	be3	qd7	35	kg2	qg4+	55			75		
16	qd2	nxd5	36	kh2	g5+	56			76		
17	nxd5	bxd5	37	kg2	kh7	57			77		
18	nf4	g5	38	re8	kg7	58			78		
19	nxd5	qxd5	39	re8		59			79		
20	b3	h6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) — SIGNATURE (BLACK) — SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 8 | Board 9 | Date 12/28

WHITE Wei Yuren | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Chang Chung Min | FED TPE | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	d6		41			61		
2	c4	c6	22			42			62		
3	Nf3	Nf6	23			43			63		
4	e3	e6	24			44			64		
5	Nbd2	Be7	25			45			65		
6	Bd3	0-0	26			46			66		
7	0-0	Nbd7	27			47			67		
8	e4	dxe4	28			48			68		
9	Nxe4	Nxe4	29			49			69		
10	Bxe4	Nf6	30			50			70		
11	Bc2	h6	31			51			71		
12	b3	Qc7	32			52			72		
13	Bb2	Rd8	33			53			73		
14	Qe2	b6	34			54			74		
15	a3	c5	35			55			75		
16	Rfe1	Bb7	36			56			76		
17	d5	Bc8	37			57			77		
18	Rad1	Bf8	38			58			78		
19	Qd3	Be7	39			59			79		
20	Bxf6	Bxf6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wei Yuren | SIGNATURE (BLACK) Ming | SIGNATURE (ARBITER) Can

B16-8-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 8 | Board 9 | Date 2026.8.28

WHITE Wei Yuren | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Chang, Chung Min | FED TPE | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	d6		41			61		
2	c4	c6	22			42			62		
3	Nf3	Nf6	23			43			63		
4	e3	e6	24			44			64		
5	Nbd2	Be7	25			45			65		
6	Bd3	0-0	26			46			66		
7	0-0	Nbd7	27			47			67		
8	e4	dc	28			48			68		
9	Ne4	Ne4	29			49			69		
10	Be4	Nf6	30			50			70		
11	Bc2	h6	31			51			71		
12	b3	Qc7	32			52			72		
13	Bb2	Rd8	33			53			73		
14	Qe2	b6	34			54			74		
15	a3	c5	35			55			75		
16	Rfe1	Bb7	36			56			76		
17	d5	Bc8	37			57			77		
18	Rad1	Bf8	38			58			78		
19	Qd3	Be7	39			59			79		
20	Bf4	Bf6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wei Yuren | SIGNATURE (BLACK) Ming | SIGNATURE (ARBITER) Can

B16-8-W 11233

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 1 | Date 28.08.26 | Board 10

WHITE: Zhao Tsz Ham | FED HKG | RESULT (W) 0

BLACK: Krishiv Shah | FED HKG | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 90	c5 90	21	fxe6 75	Qxd7 52	41	Nc5	b3 30	61		
2	Nf3 91	Nc6 91	22	Rxd7 76	Bxc4 52	42	Kg6 60	Re3 29	62		
3	d4 91	cxd4 91	23	Rff7	Bxe6	43	Kf4 59	Rf3 29	63		
4	Nxd4 92	Nf6 92	24	Rxg7	Kf8 52	44	Kg5	Bf7 28	64		
5	Nc3 92	a6 92	25	Rxe7 76	Rd8 52	45	Rb6	Rf2 27	65		
6	Nxc6 92	bxc6 91	26	Rge7 75	Bxa2 47	46	Kh6 58	Re8 25	66		
7	e5 92	Nd5 91	27	Rxd5 74	Bd5 44	47	Kh7 57	Bg8 24	67		
8	Ne4 93	Qc7 92	28	Re5 74	h6 44	48	Kh8	Rf7 23	68		
9	f4 91	Qb6 92	29	h4 73	Kg8 39	49	Rb7	b2 23	69		
10	c3 91	Ne3 91	30	Ree7 73	h5 39	50	Rf1	Bf7 24	70		
11	Qd3 91	Nxf1 91	31	g3 69	Rh6 38	51	Kh7	Re6 23	71		
12	Rxf1 91	Ba6 91	32	Ra5 67	Rf6 37	52	Rb8	Bg8	72		
13	c4 90	f5 84	33	b5 67	Rf1 87	53	Kh7	b1=Q	73		
14	exf6 90	d5 82	34	Kb2 67	Rf2	54			74		
15	f7 86	kxf7 77	35	Kc3	Rf3 33	55	0 - 1		75		
16	f5 85	Bb4 69	36	Kb4	Rb3 32	56			76		
17	Bd2 82	dxe4 65	37	Kc5 67	Cb5 33	57			77		
18	Qd7 80	Kg8 65	38	Ra7 66	Rc3 32	58			78		
19	0-0-0	Bxd2 56	39	Kd4	b4 31	59			79		
20	Rxd2 79	Qb7 53	40	Kg7	Kf8	60			80		

SIGNATURE (WHITE): Zhao Tsz Ham | SIGNATURE (BLACK): 18 | SIGNATURE (ARBITER):

B16-8-W 11233

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 1 | Date 28.08.26 | Board 10

WHITE: Zhao Tsz Ham | FED HKG | RESULT (W) 0

BLACK: Krishiv Shah | FED HKG | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21			41			61		
2	Nf3	Nc6	22			42			62		
3	d4	cxd4	23			43			63		
4	Nxd4	Nf6	24			44			64		
5	Nc3	a6	25			45			65		
6	Nxc6	bxc6	26			46			66		
7	e5	Nd5	27			47			67		
8	Ne4	Qc7	28			48			68		
9	f4	Qb6	29			49			69		
10	c3	Ne3	30			50			70		
11	Qd3	Nxf1	31			51			71		
12	Rxf1	Ba6	32			52			72		
13	c4	f5	33			53			73		
14	exf6	d5	34			54			74		
15	f7	kxf7	35			55			75		
16	f5	Bb4	36			56			76		
17	Bd2	dxe4	37			57			77		
18	Qd7	Kg8	38			58			78		
19	0-0-0	Bxd2	39			59			79		
20	Rxd2	Qb7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Zhao Tsz Ham | SIGNATURE (BLACK): Krishiv Shah | SIGNATURE (ARBITER):

B16-8-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

12:05

Group: U16 | Round: 8 | Date: 28.8.26 | Board: 11

WHITE: Hein Myat Thu | FED: MYA | RESULT (W): 1

BLACK: Demos, Jenci Rehann | FED: PHI | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Na4	Bb5	41	Rd2	Qf6	61	Kf5	Kd6
2	d4	e6	22	Qc2	Bxa4	42	Q×f6	g×f6	62	Kxe4	Ke6
3	c4	c6	23	Qxa4	b×c5	43	Kc3	Kf7	63	Kf4	Kf6
4	Nc3	f5	24	Qxc6	Red8	44	Kd4	Ke6	64	e4	Kg6
5	c5	Nf6	25	Kb1	Rac8	45	g4	Rac	65	e5	h5
6	h3	Be7	26	Qa4	cxd4	46	Rc3	Rdd6	66	g×h5+	K×h5
7	Bf4	O-O	27	Rxd4	Qg5	47	Rf2	Rdc6	67	e6	Kg6
8	e3	Nbd7	28	Qb3	Rb8	48	Rfc2	Kd6	68	h5+	Kf6
9	Bd3	Ne4	29	Qa3	Rd7	49	Rxc6+	Rxc6	69	h6	Kxe6
10	Bxe4	fxe4	30	Qc3	Rdb2	50	Rxc6+	K×c6	70	h7	Kd5
11	Ne5	Nxe5	31	b3	Rbd8	51	a4	Kd6	71	h8=Q	Ke6
12	Bxe5	Bf6	32	Qd2	Rbd7	52	b5	Ke6	72	Qe5+	Kf7
13	Bd6	Re8	33	Rf1	Rf8	53	a5	Kd6	73	Kg5	Kf8
14	f4	c×f3	34	Rfd1	Rfd8	54	bc	abc	74	Qc7	Ke8
15	Q×f3	e5	35	Rc1	Qe8	55	axb6	Kc6	75	Kf6	Kf8
16	O-O-O	b6	36	Rc5	Qec	56	b7	Kxb7	76	Qd8#	
17	Rhf1	e4	37	b4	Qf7	57	Kxd5	Kc7	77		
18	Qf2	Ba6	38	Kb2	Rd6	58	Ke6	Kc6	78		
19	Rg1	Be7	39	a3	hc	59	K×f6	Kd6	79		
20	Bxe7	Qxe7	40	Qc3	Qf2+	60	h4	Kd5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-17

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

11:05

Group: B16 | Round: 8 | Date: 8-28-26 | Board: 11

WHITE: Hein Myat Thu | FED: MYA | RESULT (W): 1

BLACK: Demos, Jenci Rehann P. | FED: PHI | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Ng4	Bb5	41	Q×f6	g×f6	61	Kf5	Kd6
2	d4	e6	22	Qc2	Bxa4	42	Kc3	Kf7	62	Kxe4	Ke6
3	c4	c6	23	b×c5	Q×c6	43	Kd4	Ke6	63	Kf4	Kf6
4	Nc3	f5	24	Red8	Kb1	44	g4	Ra6	64	e4	Kg6
5	c5	Nf6	25	Rac8	cxd4	45	Rdd6 Rc3	Rdd6	65	e5	h5
6	h3	Be7	26	Rxd4	Qg5	46	Rf2	Rdc6	66	g×h5	Kxh5
7	Bf4	O-O	27	Qb3	Rb8	47	Rfc2	Kd6	67	e6	Kg6
8	e3	Nbd7	28	Qa3	Rd7	48	Rc6	Rc6	68	h5	Kf6
9	Bd3	Ne4	29	Qc3	Rdb7	49	Rc6	Kc6	69	h6	Kxe6
10	Bxe4	fxe4	30	b3	Rd8	50	g6	Kd6	70	h7	Kd5
11	Ne5	Nxe5	31	Qb2	Rbd7	51	Ke7	g5	71	h8=Q	Ke6
12	Bxe5	Bf6	32	Rc1	Rf8	52	Kd6	Kf6	72	Ke5	Kf7
13	Bd6	Re8	33	Rd1	Rf8	53	a5	Kd6	73	Kg5	Kf8
14	f4	exf3	34	Rc1	Qe5	54	Kf6	Kc6	74	Kf7	Ke6
15	Qxf3	e5	35	Rc5	Qe6	55	Kf7	Kc6	75	Kf6	Kf8
16	O-O-O	b6	36	b4	Qf7	56	h7	Kxb7	76	Kd6	
17	Rhf1	e4	37	Kb2	Rd6	57	Kxd5	Kc7	77		
18	Qf2	Ba6	38	g3	h6	58	Ke6	Kc6	78		
19	Rg1	Be7	39	Qc3	Qf2	59	Kxf6	Kd6	79		
20	Bxe7	Qxe7	40	Rd2	Qf8	60	h5	Ke5	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 8 | Date 8.28 | Board 12

WHITE Li Fei Yat | FED HKG | RESULT (W) 0

BLACK yang Ya cheng | FED TPE | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	14	exd6	41			61		
2	Nf3	d6	22	Kxe2	Rfe8	42			62		
3	d4	cxd4	23	Kd2	Ne4	43			63		
4	Qxd4	Bd7	24	Ke2	Nc3	44			64		
5	c4	Nc6	25			45			65		
6	Qe3	Nf6	26			46			66		
7	Be2	g6	27			47			67		
8	0-0	Bg7	28			48			68		
9	Nc3	0-0	29			49			69		
10	a3	Na4	30			50			70		
11	Rd1	Ng4	31			51			71		
12	Qd3	Nb3	32			52			72		
13	Rb1	Nc5	33			53			73		
14	Qc2	Bxc3	34			54			74		
15	Qxc3	Nxe4	35			55			75		
16	Qd4	Ngf6	36			56			76		
17	b4	Qb6	37			57			77		
18	bxc5	axb6	38			58			78		
19	h3	Nc3	39			59			79		
20	Rxd6	Nxe2	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Li Fei | SIGNATURE (BLACK) yang | SIGNATURE (ARBITER)

B16-8-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 8 | Date 8/28 | Board 12

WHITE Li Fei Yat | FED | RESULT (W) 0

BLACK Yang Ya-Cheng | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kf1	exd6	41			61		
2	Nf3	d6	22	Kxe2	Re8+	42			62		
3	d4	cxd4	23	Kd2	Ne4	43			63		
4	Qxd4	Bd7	24	Ke2	Nc3	44			64		
5	c4	Nc6	25			45			65		
6	Qe3	Nf6	26			46			66		
7	Be2	g6	27			47			67		
8	0-0	Bg7	28			48			68		
9	Nc3	0-0	29			49			69		
10	a3	Na5	30			50			70		
11	Rd1	Ng4	31			51			71		
12	Qd3	Nb3	32			52			72		
13	Rb1	Nc5	33			53			73		
14	Qc2	Bxc3	34			54			74		
15	Qxc3	Nxe4	35			55			75		
16	Qd4	Ngf6	36			56			76		
17	b4	Qb6	37			57			77		
18	Qxb6	axb6	38			58			78		
19	h3	Nc3	39			59			79		
20	Rxd6	Nxe2	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Li Fei | SIGNATURE (BLACK) Yang | SIGNATURE (ARBITER)